

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 10/2021/HSST

Ngày 12 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc**, là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Nhân Đạo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021. Tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Xuân N**, sinh năm 1983 tại huyện TN, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 14, xã D, huyện TN, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn Thuyết và bà Trần Thị Sắc; Có vợ Phan Thị Xuân và 03 con (lớn sinh 2013, nhỏ sinh 2021); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 04/8/2020, đến ngày 13/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1990 tại huyện LT, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu P, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Phát (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nhượng; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/11/2005, Nguyễn Thanh P bị Công an huyện LT, tỉnh P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Chấp hành xong Quyết định xử phạt vào ngày 7/11/2005;

Bị tạm giữ từ ngày 04/8/2020, đến ngày 13/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. Họ và tên: **Nguyễn Đức L**, sinh năm 1988 tại huyện LT, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu C, xã PN, huyện LT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá

(học vấn): 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Khoa (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tiếp; Có vợ Nguyễn Thị Mai Linh và 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18/9/2007, Nguyễn Đức L bị Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 7 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/10/2007, thi hành xong khoản án phí hình sự sở thẩm vào ngày 06/12/2007, đã được xóa án tích;

Bị tạm giữ từ ngày 05/8/2020, đến ngày 13/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

4. Họ và tên: **Hoàng Văn T**, sinh năm 1996 tại huyện HY, tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Y, huyện HY, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Tuyên và bà Lê Thị Liên; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 08/7/2013, Hoàng Văn T bị Công an huyện HY, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm trong lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội. Chấp hành xong Quyết định xử phạt vào ngày 08/7/2013;

Bị tạm giữ từ ngày 04/8/2020, đến ngày 13/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

5. Họ và tên: **Nguyễn Kim H**, sinh năm 2001 tại huyện LT, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu D, xã PN, huyện LT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Kim Tính và bà Nguyễn Thị Hải; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 13/8/2017, Nguyễn Kim H bị Công an huyện LT, tỉnh P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tụ tập nhiều người gây mất trật tự công cộng;

Bị tạm giữ từ ngày 04/8/2020, đến ngày 13/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

6. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1997 tại thị xã P, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu B, phường V, thị xã P, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Bình và bà Phan Kim Liên; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 04/8/2020, đến ngày 13/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

7. Họ và tên: **Hoàng Thế H1**, sinh năm 1989 tại huyện LT, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 4, xã CX, huyện LT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Xuân Hải và bà Nguyễn Thị Thu; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 04/8/2020, đến ngày 13/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- *Người bị hại*: Chị Vũ Khánh N1, sinh ngày 26/3/2004; địa chỉ: Khu M, xã HP, thị xã MH, tỉnh Y. (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật cho người Bị hại: Bà Vũ Thị A, sinh năm 1970 (là Mẹ của chị N1); Địa chỉ: Khu M, xã HP, thị xã MH, tỉnh Y. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2020, trong quá trình kinh doanh dịch vụ Karaoke, Bùi Xuân N - chủ quán Karaoke "N Xuân" ở khu 14, xã D, huyện TN, tỉnh P có thuê chị Vũ Khánh N1 – Sinh ngày 26/3/2004, trú tại xã HP, thị xã MH, tỉnh Y làm nhân viên dịch vụ bấm bài, rót bia phục vụ khách hát tại quán. Trong thời gian làm cho N, chị N1 có sử dụng tên giả là Bùi Thị Bích Ngọc và nhận mình sinh năm 1996. Cũng trong thời gian này, chị N1 có vay của N 3.000.000 đồng để mua sắm trang phục, đồ nữ trang. Chị N1 làm tại quán nhà N đến tháng 7/2020 thì chị N1 tự ý bỏ đi làm ở chỗ khác và không trả tiền cho N. Sau đó, N nhiều lần bảo N1 về làm cho N nhưng N1 không đồng ý.

Đến khoảng 12 giờ ngày 3/8/2020, Nguyễn Anh Quang – Sinh năm 1988, trú tại khu 12A, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh P và Nguyễn Thanh P – Sinh năm 1990, trú tại khu P, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh P có đến nhà N chơi. Tại đây, N có kể với Quang và P về việc chị N1 bỏ đi làm ở chỗ khác, lôi kéo khách quen của quán nhà N đến quán chị N1 làm và không trả số tiền 3.000.000 đồng chị N1 vay của làm cho N, đồng thời N có nhờ Quang gặp và nói chuyện với N1 để N1 về làm cho N thì Quang đồng ý. Sau đó, Quang bảo P gọi người đến giúp N còn Quang đi về trước. Về phần P, sau khi Quang về, P gọi điện rủ Đỗ Tùng Dương – Sinh năm 1996, trú tại xã Hanh Cù, huyện B, tỉnh P, Hoàng Văn T – Sinh năm 1996, trú tại thôn 9 Minh Phú, xã Y, huyện HY, tỉnh Q lên quán Karaoke N Xuân để giải quyết việc cho P thì T và Dương đồng ý. Sau đó, T và Dương gọi điện rủ Nguyễn Thanh T1 – Sinh năm 1997, trú tại phường V, thị xã P, tỉnh P, Nguyễn Kim H – Sinh năm 2001, trú tại khu D, xã PN, huyện LT, tỉnh P, Nguyễn Hồng Sơn – Sinh năm 2000, trú tại khu 4, xã Đ, thành phố V, tỉnh P, Nguyễn Quang Hưng – Sinh năm 2001, trú tại khu 7, xã Hiền Quan, huyện TN, tỉnh P và Nguyễn Thành Trung – Sinh năm 2001, trú tại khu 6, xã U, huyện TN, tỉnh P đi cùng T và Dương đến quán Karaoke "N Xuân" để làm việc cho P thì T1, H, Sơn, Hưng và Trung đều đồng ý rồi cùng T và Dương bắt xe taxi đến quán Karaoke "N Xuân". Về phần N, trong lúc chờ nhóm của P, thì N có gọi điện thoại nhờ Nguyễn Đức L (em rể của N) – Sinh năm 1988, trú tại khu C, xã PN, huyện LT, tỉnh P sang nhà N giải quyết công việc cho N thì L đồng ý. Trên đường đi, L gặp và rủ Nguyễn Đức Quỳnh (em trai của L) – Sinh năm 1999, trú tại khu C, xã PN, huyện LT, tỉnh P, Đào Mạnh Hùng – Sinh năm 1975, trú tại khu 2, xã Hương Nộn, huyện TN, tỉnh P, Nguyễn Văn Thành – Sinh năm 1993, trú tại khu Đại Tụ, xã PN, huyện LT, tỉnh P, Nguyễn Ngọc Tuyên – Sinh năm 1983, trú tại khu Đại Đình, xã PN, huyện LT, tỉnh P đi chơi cùng L thì Quỳnh, Hùng, Thành và Tuyên đều đồng ý rồi lên xe taxi đi cùng L.

Đến khoảng 13 giờ ngày 03/8/2020, nhóm của P và L đến quán Karaoke "N Xuân". Tại đây, N ngồi trong quán nói với mọi người "có đưa nhân viên trước đây nó

làm cho anh, giờ nó nợ tiền anh 3.000.000đồng bỏ đi làm chỗ khác kéo hết khách của quán, nhờ anh em lên bắt nó về đây nói chuyện". Khi đó, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Kim H, Hoàng Văn T, Nguyễn Đức L có mặt tại bàn uống nước trong quán nghe thấy N nói như vậy nên đều đồng ý đi giúp N. Còn Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Thành Trung vẫn ngồi trên xe taxi, Đỗ Tùng Dương, Nguyễn Ngọc Tuyên, Đào Mạnh Hùng, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Đức Quỳnh đứng ở bên ngoài quán, không nghe được N trao đổi với những người bên trong quán nội dung gì. Sau đó N đi ra ngoài quán nói với mọi người “giờ đi lên phòng trọ của nó” thì tất cả cùng nhau lên xe taxi đi theo sự chỉ đường của N.

Đến khoảng 14 giờ ngày 3/8/2020, các đối tượng đến phòng trọ của chị Vũ Khánh N1 tại khu 1, xã Xuân Lộc, huyện TT, tỉnh P. Lúc này chị N1 đang ở cùng bạn là Lê Minh Quân và Trần Xuân Thành – Sinh năm 1991, trú tại khu 1, xã Xuân Lộc, huyện TT, tỉnh P, Nguyễn Văn Thuận – Sinh năm 1990, trú tại xã D, huyện TN, tỉnh P trong phòng. N và L gọi N1 ra, N1 mở cửa nhưng không ra ngoài nên T chạy vào phòng kéo N1 ra ngoài sân rồi cùng Nguyễn Kim H đẩy chị N1 lên xe ô tô. Thấy vậy Trần Xuân Thành (bạn chị N1) chạy ra để cản T và Nguyễn Kim H thì Kim H đẩy Thành về phía sau. Không cản được T và Kim H nên Thành quay sang nói với N “có gì anh em nói chuyện” thì N nói “tao không nói chuyện với chúng mày” rồi cùng mọi người đưa N1 về quán Karaoke “N Xuân”. Khi về đến quán, T đưa N1 ngồi tại bàn uống nước ở hiên quán. Tại đây, L chửi và dùng tay dúi đầu chị N1 xuống mặt bàn, yêu cầu chị N1 trả 3.000.000đồng cho N. Thấy vậy N bảo chị N1 “nếu không làm nhân viên cho anh nữa thì biến ra khỏi đất này”. Lúc này, Thành, Thuận, Quân và Chu Thanh Ngọc – Sinh năm 1991 ở xã D, huyện TN, tỉnh P (là bạn chị N1) đi đến quán Karaoke “N Xuân” muốn gặp N nói chuyện để N thả chị N1 về nhưng N không đồng ý rồi bảo L và P đưa chị N1 về thành phố V, tỉnh P để giải quyết thì P và L đồng ý. Thấy vậy T kéo chị N1 lên xe, tiếp tục đưa chị N1 về quán bi-a của P ở xã Đ, thành phố V, tỉnh P. Trước khi về, N đưa cho L 4.000.000đồng, trong đó cho L 2.000.000đồng và gửi 2.000.000đồng tiền xe taxi, tiền uống nước dọc đường để cảm ơn mọi người đã giúp N. Về phần nhóm của Lê Minh Quân, sau khi đến gặp để nói chuyện với N nhưng không được, Quân đã đến Công an xã Xuân Lộc, huyện TT trình báo nội dung sự việc trên.

Đến khoảng 15 giờ ngày 03/8/2020, nhóm của L và P đưa N1 về đến quán Bi - a ở xã Đ, thành phố V, tỉnh P, các đối tượng đưa N1 vào ngồi tại bàn uống nước bên trong quán. Tại đây, chị N1 mượn điện thoại của L gọi vào số điện thoại của chị N1 lúc này đang ở tại phòng trọ thì Lê Minh Quân nghe máy. Chị N1 nhờ Quân mang 3.000.000đồng đến trả nợ thay chị N1 và bảo Quân khi nào đến cổng chào xã Đ, thành phố V thì gọi để nhóm P ra đón. Khoảng 15 giờ ngày 03/8/2020, Hoàng Thế H1 – Sinh năm 1989, trú tại khu 4, xã CX, huyện LT, tỉnh P đến quán Bi-a của P. Tại đây, H1 gặp P cùng chị N1. P nói lại với H1 vừa đi bắt chị N1 từ huyện TT về để đòi tiền nợ giúp bạn của P là Bùi Xuân N. Sau đó, L cắt cử T trực tiếp trông giữ N1 rồi mời mọi người đi uống bia. Khoảng 16 giờ cùng ngày, L cùng mọi người uống bia xong thì quay lại quán bi-a của P, tại đây L chửi và liên tục thúc giục cho N1 gọi bạn đem tiền xuống trả nợ. Sợ gây mất trật tự tại quán bi-a của mình nên P bảo L “em sẽ có trách nhiệm đòi tiền nếu không sẽ cho nó viết giấy nợ”, nghe vậy L bảo P “thế mày làm gì thì mày làm” rồi cùng Quỳnh, Thành, Đào Mạnh Hùng và Tuyên đi về trước. Sau khi nhóm của L về, P bảo H1 đưa chị N1 về phòng trọ của H1 tại xã Thụy

Vân, thành phố V, tỉnh P đợi thì H1 đồng ý và mượn xe máy Yamaha Exciter, BKS 29B1 – 205.99 của P chờ chị N1 về phòng trọ của H1 rồi quay lại quán bi-a đón P đến phòng trọ, để tránh cho chị N1 bỏ trốn, H1 nhốt chị N1 bên trong phòng trọ, đóng cửa, cài then, móc khóa bên ngoài. Khoảng 20 phút sau, H1 đi đón P về phòng trọ, lúc này P đem theo một tờ giấy trắng có dòng kẻ ngang, 01 chiếc bút bi màu xanh. Tại đây, P bảo N1 viết giấy nhận tiền nhằm mục đích khi bạn chị N1 đến sẽ dễ dàng đòi được tiền mà chị N1 nợ của Bùi Xuân N thì chị N1 đồng ý rồi viết giấy nhận tiền với nội dung nhận của Bùi Xuân N số tiền 3.000.000đồng vào ngày 20/7/2020 và hẹn ngày 30/7/2020 sẽ trả cho N. Sau đó H1 gọi điện cho Lê Minh Quân hẹn giao tiền tại công chung cư xi măng Hữu Nghị ở phường Vân Phú, thành phố V. Do sợ nhóm của Quân đến đông dẫn đến đánh nhau nên P gọi điện thoại báo Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, T1, Nguyễn Tùng Dương đi cùng nhưng không nói đi để làm gì. Khi đi Nguyễn Kim H đem theo 02 gậy sắt kích thước 75 x 2cm. Đến hồi 20 giờ 30 phút ngày 3/8/2020, các đối tượng đưa chị N1 ra cổng chung cư xi măng Hữu Nghị ở phường Vân Phú, thành phố V, tỉnh P thì bị Công an huyện TT kiểm tra, phát hiện, lập Biên bản.

Quá trình xác minh, xác định người bị hại là chị Vũ Khánh N1 - Sinh ngày 26/3/2004, thời điểm các bị can có hành vi bắt, giữ chị N1, chị N1 chưa đủ 18 tuổi. Quá trình điều tra các đối tượng đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho chị Vũ Khánh N1 số tiền 3.000.000đồng, chị N1 đồng ý và không có đề nghị bồi thường gì thêm.

Căn cứ hành vi phạm tội của các đối tượng, ngày 13/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Hoàng Thế H1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKSTT ngày 06/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P truy tố các bị cáo Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Hoàng Thế H1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

**** Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51, Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.***

**** Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Hoàng Thế H1 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.***

- Xử phạt bị cáo Bùi Xuân N từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim H từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thế H1 từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Xác nhận các bị cáo Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Hoàng Thế H1 đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là chị Vũ Khánh N1 số tiền 3.000.000đ; chị N1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

* **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 gậy bằng kim loại màu trắng, mỗi gậy kích thước 75x2cm của bị cáo Nguyễn Kim H; 01 thẻ sim số 0984.683.002 có số ghi trên thẻ sim là 89840 48000 07502 4896 của của Nguyễn Thanh P; 01 thẻ sim số 0353815816 có số ghi trên thẻ sim là 8984 04800 00446 40366 của Hoàng Thế H1; 01 thẻ sim số 0389883797 có số ghi trên thẻ sim là 8984048000065097917 của Bùi Xuân N.

- Tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã cũ của bị cáo Nguyễn Thanh P; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ của bị cáo Hoàng Thế H1; 01 điện thoại di động OPPO F3 màu đen của bị cáo Bùi Xuân N.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh P 01 điện thoại di động Coolpad màu vàng, đã cũ, lắp sim số 0911.732.590.

- Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho các chủ sở hữu các đồ vật, tài sản không liên quan đến tội phạm là hợp pháp.

- Các bị cáo Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Hoàng Thế H1 đều nhất trí với bản Cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa hôm nay đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 03/8/2020, tại nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Văn Di – Sinh năm 1955 thuộc địa phận khu 1, xã Xuân Lộc, huyện TT, tỉnh P, Bùi Xuân N, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Hoàng Thế H1, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Đức L đã có hành vi dùng vũ lực để khống chế, uy hiếp, đe dọa bắt, giữ chị Vũ Khánh N1, sinh ngày 26/3/2004, trú tại xã HP, thị xã MH, tỉnh Y nhằm mục đích buộc chị N1 phải trả số nợ 3.000.000đồng cho Bùi Xuân N. Tại thời điểm các bị cáo có hành vi bắt giữ chị N1 thì chị N1 dưới 18 tuổi. Do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Điều 157 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;...”

[2] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Việc bắt, giữ người trái pháp luật của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Riêng bị cáo Nguyễn Đức L ngày 18/9/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/10/2007, thi hành xong khoản án phí hình sự sở thẩm vào ngày 06/12/2007 Bị cáo đã được xóa án tích. Các bị cáo Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được xóa: Ngày 07/11/2005 bị Công an huyện LT, tỉnh P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 08/7/2013, Hoàng Văn T bị Công an huyện HY, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm trong lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội. Nguyễn Kim H Ngày 13/8/2017 bị Công an huyện LT, tỉnh P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tụ tập nhiều người gây mất trật tự công cộng.

Về vai trò của các bị cáo: bị cáo Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P là người có vai trò chính trong vụ án; N, L và P đã có hành vi bàn bạc, rủ rê các đối tượng khác đi bắt, giữ chị N1 để buộc chị N1 phải trả cho N số tiền 3.000.000đồng mà chị N1 vay của N. Khi gặp chị N1 thì N, L và P đã có hành vi chỉ đạo các bị cáo khác dùng vũ lực để khống chế, uy hiếp, đe dọa chị N1, buộc chị N1 phải đi cùng nhóm các bị cáo.

Các bị cáo còn lại đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức.

[4]Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Khoản 1, Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, được quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 BLHS. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã xin lỗi và bồi thường thiệt hại cho bị hại là chị N1, do vậy các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường hoặc khắc phục hậu quả*” quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 51 BLHS. Người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo; bị cáo P có bố, mẹ; bị cáo H1 có ông, bà là người có công với cách mạng; vì vậy HĐXX áp dụng Khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú ổn định, đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ để các bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không đảm nhiệm chức vụ gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là chị Vũ Khánh N1 số tiền 3.000.000đ; chị N1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, do vậy cần xác nhận là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 gậy bằng kim loại màu trắng, mỗi gậy kích thước 75x2cm thu giữ của Nguyễn Kim H. Đây là những hung khí H mang theo trong quá trình thực hiện tội phạm nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Coopad màu vàng đã cũ lắp sim số 0911.732.590 thu giữ của Nguyễn Thanh P không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã cũ của bị cáo Nguyễn Thanh P; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ của bị cáo Hoàng Thế H1; 01 điện thoại di động OPPO F3 màu đen của bị cáo Bùi Xuân N. Xét thấy những chiếc điện thoại này các bị cáo đã dùng liên lạc, là phương tiện trực tiếp liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với các thẻ sim lắp trong các điện thoại này không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho các chủ sở hữu các đồ vật, tài sản không liên quan đến tội phạm, gồm: Trả lại cho chị Đinh Thị Luyến – Sinh năm 1988, trú tại xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đỏ trắng BKS 29B1 – 205.99; Trả lại cho anh Hà Xuân Hưng – Sinh năm 1988, trú tại khu 8, xã Lam Sơn, huyện TN, tỉnh P 01 xe mô tô Honda Wave màu đen BKS 19V1 – 3278; Trả lại cho chị Nguyễn Thị Huyền Trang – Sinh năm 1991, trú tại khu 12A, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh P, 01 xe mô tô Honda SH 150 màu đỏ BKS 19S1-31578; Trả lại cho Nguyễn Thanh T1 01 điện thoại di động Iphone 7 màu bạc, đã cũ, lắp sim số 0356.545.148; Trả lại cho Nguyễn Kim H 01 điện thoại di động Iphone 6 màu bạc, đã cũ, lắp sim số 0789.129.103; Trả lại cho Hoàng Văn T 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, đã cũ, lắp sim số 0375.556.196; Trả lại cho Đỗ Tùng Dương 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh, đã cũ, lắp sim số 0365.809.296. Việc trả lại tài sản là đúng thẩm quyền nên cần xác nhận.

[8] Đối với hành vi yêu cầu chị N1 viết giấy nhận tiền với nội dung chị N1 vay của Bùi Xuân N số tiền 3.000.000đồng vào ngày 20/7/2020 và hẹn ngày 30/7/2020 sẽ trả cho N của Nguyễn Thanh P và Hoàng Thế H1, quá trình điều tra thể hiện: Việc chị N1 nợ của N số tiền 3.000.000đồng là có thật, việc chị N1 viết giấy nhận tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý đối với hành vi trên của Nguyễn Thanh P và Hoàng Thế H1 trong vụ án này là đúng quy định.

[9] Đối Nguyễn Anh Quang, quá trình điều tra thể hiện: Ngày 03/8/2020, Bùi Xuân N có nhờ Quang gặp chị Vũ Khánh N1 nói chuyện để cho N1 về làm nhân viên quán hát cho N thì Quang có đồng ý và nhờ P bảo bạn đến giúp đỡ N. Khi nhờ, N không nói cho Quang biết trước về việc sẽ đi bắt, giữ chị N1. Sau khi bảo P giúp đỡ N, Quang đã đi về trước, không chứng kiến cũng như tham gia vào quá trình bàn bạc, bắt giữ chị N1. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[10] Đối với Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Thành Trung, Đỗ Tùng Dương, Nguyễn Ngọc Tuyên, Đào Mạnh Hùng, Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Đức Quỳnh, quá trình điều tra thể hiện: Trước khi đến quán hát Karaoke “N Xuân” các đối tượng không biết việc đi bắt chị N1 mà chỉ nghĩ là đi đến đó chơi. Khi đến quán hát Karaoke N Xuân, Sơn, Trung, Hưng, Dương, Tuyên, Đào Mạnh Hùng, Thành và Quỳnh đều ở ngoài đường và ngồi trong xe taxi, không vào bên trong quán nên không nghe được N bàn bạc, trao đổi nội dung đi bắt giữ chị N1 về để đòi tiền và giải quyết mâu thuẫn. Quá trình các đối tượng bắt, giữ và đưa chị N1 về thành phố V, các đối tượng trên có chứng kiến và đi cùng xe nhưng không tham gia thực hiện hành vi bắt giữ chị N1 cùng các bị cáo. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án. Những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện TT tại phiên toà hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2, Điều 51; Khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

* **Tuyên bố:** Các bị cáo Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Hoàng Thế H1 phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Xuân N **30**(*ba mươi*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05(*năm*) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện TN, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L **27**(*hai mươi bảy*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54(*năm mươi tư*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PN, huyện LT, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P **27**(*hai mươi bảy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54(*năm mươi tư*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn LT, huyện LT, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T **24**(*hai mươi tư*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48(*bốn mươi tám*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện HY, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim H **24**(*hai mươi tư*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48(*bốn mươi tám*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PN, huyện LT, tỉnh P giám

sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 **24** (hai mươi tư) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã P, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thế H1 **24** (hai mươi tư) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã CX, huyện LT, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 4, Điều 157 BLHS đối với các bị cáo.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Xác nhận các bị cáo Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Hoàng Thế H1 đã tự nguyện bồi thường theo thỏa thuận cho người bị hại là chị Vũ Khánh N1 số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng); chị N1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường vấn đề nào khác.

* **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 gậy bằng kim loại màu trắng, mỗi gậy kích thước 75x2cm của bị cáo Nguyễn Kim H; 01 thẻ sim số 0984.683.002 có số ghi trên thẻ sim là 89840 48000 07502 4896 của của Nguyễn Thanh P; 01 thẻ sim số 0353815816 có số ghi trên thẻ sim là 8984 04800 00446 40366 của Hoàng Thế H1; 01 thẻ sim số 0389883797 có số ghi trên thẻ sim là 8984048000065097917 của Bùi Xuân N.

- Tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã cũ của bị cáo Nguyễn Thanh P; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ của bị cáo Hoàng Thế H1; 01 điện thoại di động OPPO F3 màu đen của bị cáo Bùi Xuân N.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh P 01 điện thoại di động Coolpad màu vàng, đã cũ, lắp sim số 0911.732.590.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT đang quản lý).

- Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho các chủ sở hữu các đồ vật, tài sản không liên quan đến tội phạm là hợp pháp, gồm: Trả lại cho chị Đinh Thị Luyến – Sinh năm 1988, trú tại xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đỏ trắng BKS 29B1 – 205.99; Trả lại cho anh Hà Xuân Hưng – Sinh năm 1988, trú tại khu 8, xã Lam Sơn, huyện TN, tỉnh P 01 xe mô tô Honda Wave màu đen BKS 19V1 – 3278; Trả lại cho chị Nguyễn Thị Huyền Trang – Sinh năm 1991, trú tại khu 12A, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh P, 01 xe mô tô Honda SH 150 màu đỏ BKS 19S1-31578; Trả lại cho Nguyễn Thanh T1 01 điện thoại di động Iphone 7 màu bạc, đã cũ, lắp sim số 0356.545.148; Trả lại cho Nguyễn Kim H 01 điện thoại di động Iphone 6 màu bạc, đã cũ, lắp sim số 0789.129.103; Trả lại cho Hoàng Văn T 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, đã cũ, lắp sim số 0375.556.196; Trả lại cho Đỗ Tùng Dương 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh, đã cũ, lắp sim số 0365.809.296.

***Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Bùi Xuân N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh P, Hoàng Văn T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thanh T1 và Hoàng Thế H1 mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bị cáo, có mặt được quyền kháng cáo bản án; Người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú; đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND huyện TT,
- VKSND tỉnh P;
- Công an huyện TT;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (TB);
- Chi cục THADS huyện TT;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú